TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Z** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2021/QĐST-KDTM	*Z, ngày 16 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành 08 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 16/2021/TLST-TDTM ngày 20 tháng 10 năm 2021, về việc: *"Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hoá".*

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần A; địa chỉ: Tầng 6, Toà nhà C, Lô F2 đường D, phường H, quận C, thanh phố Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn K, chức vụ - Giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Phúc T, sinh năm 1972, chức vụ - Trưởng phòng bán hàng.

- *Bị đơn:* Doanh nghiệp tư nhân B; địa chỉ: đường L (D1) khối phố N , phường M, thành phố Z, tỉnh Quảng Nam.

Bà Đỗ Thị Bích M, chủ doanh nghiệp.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Trương Quang G, sinh năm 1978. Hộ khẩu trường trú: Thôn Đ (Y), xã Q, huyện V, tỉnh Quảng Ngãi. Chỗ ở hiện nay: kiệt 265/51 khối phố 4 phường X, thành phố Z, tỉnh Quảng Nam.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Doanh nghiệp tư nhân B có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần A số tiền 69.330.000 *(Sáu mươi chín triệu ba trăm ba mươi ngàn)* đồng. Thời gian trả tiền cụ thể như sau:

Ngày 31-01-2022 Doanh nghiệp tư nhân B trả cho Công ty cổ phần A số tiền 30.000.000đồng.

Ngày 28-02-2022 Doanh nghiệp tư nhân B trả cho Công ty cổ phần A số tiền 20.000.000đồng.

Ngày 31-3-2022 Doanh nghiệp tư nhân B trả cho Công ty cổ phần A số tiền 19.330.000 đồng.

2.2 Ông Trương Quang G có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần A số tiền

137.836.000 *(Một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn)* đồng.

Thời gian trả tiền cụ thể như sau:

Ngày 31-01-2022 ông Trương Quang G trả cho Công ty cổ phần A số tiền 45.000.000đồng.

Ngày 28-02-2022 ông Trương Quang G trả cho Công ty cổ phần A số tiền 45.000.000đồng.

Ngày 31-3-2022 ông Trương Quang G trả cho Công ty cổ phần A số tiền 47.836.000 đồng.

Nếu Doanh nghiệp tư nhân B; ông Trương Quang G vi phạm bất kỳ nội dung đã thỏa thuận trên thì Công ty cổ phần A được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền nợ còn lại.

2.3 Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị Bích M đại diện Doanh nghiệp tư nhân B tự nhận chịu số tiền án phí 1.733.250 đồng.

Ông Trương Quang G nhận chịu số tiền án phí 3.445.900 đồng.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.805.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009322 ngày 20-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Z, tỉnh Quảng Nam.

3. Kể từ ngày bA Hnh quyết định này cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bA Hnh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND Tp.Z;*
- *Chi cục THADS Tp.Z;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Thái Sương

Riêng đối với số tiền chi phí tố tụng phải hoàn trả, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.